TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số: 87/2023/HSST
Ngày : 23/6/2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đồng Thị Lai

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Lưu và bà Nguyễn Thị Lan Ka

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Quang Huy– Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh -Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, Toà án nhân dân quận Ba Đình - thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến tại Điểm cầu trung tâm - Phòng xét xử trực tuyến - Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; Điểm cầu thành phần tại Phòng xét xử trực tuyến Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội, vụ án hình sự thụ lý số 63/2023/TLHS-ST ngày 23/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Phạm Hồng T, S năm: 1986. HKTT: Thôn Liên Bu, xã Minh Quang, huyện Ba Vì, Hà Nội. Nơi ở: Không nơi ở cố định. Nghề nghiệp: Tự do ; Văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Họ và tên bố: Phạm Văn Ngọc (đã mất); Họ và tên mẹ: Đinh Thị Dần, S năm 1951. Bị cáo có 03 anh chị em cùng cha khác mẹ. Họ và tên chồng: Phạm Hồng Thái, S năm 1970, hiện không xác định được ở đâu. Bị cáo có 06 con S năm 2009, 2011, 2016, 2018, 2020, 2022.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt truy nã ngày 10/02/2023, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số I, Công an thành phố Hà Nội, số giam: 830C2 - Buồng giam: M2.

(Có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại:

Ông Ngô Văn H, S năm 1969; HKTT và nơi ở: Thôn 1, xã Đinh Xá, huyện Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Ông Đỗ Văn S, S năm 1964; HKTT và nơi ở: Số 155 phố Phúc Ninh, đường Trương Hán Siêu, phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

(Có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Ngô Thị T, S năm 1973; Nơi ở: 34A2 ngách 2 ngõ 144 phố Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Hồng Tâm hiện không có công việc ổn định. Tâm và chị Ngô Thị T (S năm 1973, HKTT: phòng 107, TT Bưu chính viễn thông, phường Thành Công, Ba Đình, Hà Nội) là bạn xã hội của nhau từ năm 2013, trong quá trình quen biết nhau, Tâm có giới thiệu với T rằng Tâm có mối quan hệ xã hội rộng rãi và có khả năng xin được việc làm trong các cơ quan nhà nước, rồi lấy nhiều lý do không xin được việc nhằm chiếm đoạt tiền của những người nhờ Tâm xin việc. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 6/2014, anh Ngô Văn H (S năm: 1969, tại Hà Nam, HKTT và nơi ở: Xã Đinh Xã, Phủ Lý, Hà Nam) có nhu cầu xin việc cho con gái là Ngô Thùy Trang vào cơ quan nhà nước. Qua T giới thiệu, anh H gặp Tâm và Tâm đã nói dối anh H là Tâm có quen biết với đồng chí Liêm là phó giám đốc công an tỉnh Hà Nam và có thể xin cho con anh H vào làm ở vị trí kế toán của Công an tỉnh Hà Nam với giá là 180 triệu đồng. Tâm yêu cầu anh H chuyển trước số tiền 140 triệu đồng, 40 triệu đồng còn lại anh H có thể chuyển sau khi con anh đã được nhận vào làm. Anh H đã đồng ý và chuyển đủ số tiền 140 triệu đồng cho Tâm, số tiền trên được chuyển thành 3 lần, cụ thể:

- Ngày 9/7/2014: Anh H đến ngân hàng Agribank chi nhánh Phủ Lý, Hà Nam chuyển 20 triệu đồng vào tài khoản số 1506205177939 của Phạm Hồng Tâm, theo lời Tâm thì đây là tiền để "giữ chỗ";

- Ngày 12/7/2014: Anh H cùng Tâm và T hẹn gặp nhau tại phòng 202 H1 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội, theo lời Tâm thì đây là nơi ở của T, tại đây anh H đưa cho Tâm thêm 70 triệu. Tâm có viết giấy biên nhận tổng số tiền 2 lần là 90 triệu đồng và nhận của anh H hồ sơ xin việc cho cháu Trang;

- Ngày 15/8/2014: Anh H cùng vợ là Lê Thị Thủy đến ngân hàng Agribank chi nhánh Phủ Lý, Hà Nam và chuyển tiếp cho Tâm số tiền 50 triệu đồng vào tài khoản của Tâm.

Sau khi nhận của anh H đủ 140 triệu thì Tâm nói với anh H rằng sau khoản 1,2 tháng con anh H sẽ được đi làm, nếu không thì Tâm có trách nhiệm thu hồi lại tiền trả anh H. Đến thời điểm Tâm hẹn nhưng con anh H vẫn không được đi làm, anh H có liên lạc với Tâm nhưng Tâm không trả lời và cũng không trả được tiền cho anh H.

Ngày 11/6/2015, anh H gặp được Tâm và đưa Tâm về trụ sở Công an phường Thành Công để trình báo sự việc.

Vụ thứ hai: Khoảng tháng 8 năm 2014, chị Ngô Thị T có nhờ Tâm xin việc cho con gái anh Đỗ Văn S (S năm: 1964, tại : Ninh Bình, HKTT và nơi ở: Số 155 phố Phúc Ninh, Phúc Thành, Ninh Bình) là Đỗ Thị Hạnh (S năm 1991, HKTT: Phúc Ninh, Phúc Thành, TP Ninh Bình) vào làm kế toán một Cơ quan nhà nước. Qua chị T giới thiệu thì Tâm gặp và nói với ông S là sẽ lo được cho con gái ông S vào làm thu ngân của BV Bạch Mai – Cơ sở 1 ở Hà Nội với giá là 25.000 USD đô la Mỹ, Bệnh viện Bạch Mai – Cơ sở 2 ở Hà Nam là 12.500 USD đô la Mỹ và ban đầu,

anh S phải đưa trước cho Tâm là 12.000USD đô la Mỹ tương đương với 200 triệu đồng tiền Việt Nam để Tâm lo công việc, khi nào con anh S đi làm thì sẽ thanh toán nốt phần còn lại. Anh S đồng ý xin cho con vào Bệnh viện Bạch Mai cơ sở Hà Nam.

Ngày 01/8/2014 tại nhà thuê của chị Ngô Thị T ở phòng 202 tập thể H1 Thành Công, phường Thành Công, Ba Đình, Hà Nội (do Tâm hẹn ông S nhưng Tâm không có mặt do bận việc), qua điện thoại Tâm nói với ông S cứ giao số tiền 200 triệu đồng cho chị T. Sau khi nhận số tiền trên thì chị T cùng ông S đến Ngân hàng Maritime Bank chi nhánh Láng Hạ để chuyển 200 triệu đồng vào tài khoản số 03301013918531 mang tên Phạm Hồng Tâm mở tại Ngân hàng Maritime Bank. Sau khi nhận được tiền do ông S chuyển đến, Tâm hứa khoảng 2 tuần thì con gái anh S sẽ được đi làm nhưng thực tế đến tháng 2/2015 Tâm vẫn không xin được việc cho con gái anh S. Ngày 13/4/2015 Tâm đã chuyển trả anh S 20 triệu đồng và hứa sau 7 ngày sẽ trả nốt ông S số tiền còn lại 180 triệu đồng, nhưng Tâm không trả và cắt liên lạc với ông S. Số tiền trên Tâm đã tiêu xài cá nhân hết.

Ông Đỗ Văn S khai nhận đối với số tiền 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng) ông S giao cho Phạm Hồng Tâm để xin việc cho con gái ông thì ngày 13/4/2015 thông qua cháu họ ông là Ngô Thị T thì ông S đã nhận được 20 triệu đồng do Tâm trả lại cho ông S, ngoài ra chị T đã bỏ tiền cá nhân trả cho ông S hai lần với tổng số tiền là 30 triệu đồng. Còn lại 150 triệu đồng, ông S yêu cầu Tâm phải trả cho ông S.

Ông Ngô Văn H khai nhận đối với số tiền 140 triệu đồng mà Tâm đã chiếm đoạt của ông H thì vào năm 2020 chị Ngô Thị T đã tự bỏ tiền của mình ra trả cho ông H hai lần với tổng số tiền là 70 triệu đồng. Còn lại 70 triệu đồng, ông H yêu cầu Tâm phải trả cho ông H số tiền trên.

Chị Ngô Thị T khai nhận: Khoảng năm 2013 – 2014, thông qua quan hệ xã hội chị T có quen biết Phạm Hồng Tâm, Tâm nói có mối quan hệ rộng và có khả năng xin được việc làm tại các cơ quan Nhà nước. Do người nhà chị T là ông Ngô Văn H và Đỗ Văn S có nhu cầu xin việc cho con gái vào các cơ quan nhà nước, nên chị có giới thiệu Tâm với ông S và ông H. Thông qua chị T ông S đã chuyển cho Tâm 200 triệu đồng để xin việc cho con gái ông S làm kế toán tại Bệnh viện Bạch Mai, Hà nội và ông H đã chuyển cho Tâm 140 triệu đồng để xin cho con gái ông H làm kế toán tại Công an tỉnh Hà Nam. Sau đó Tâm không xin được việc cho con gái ông S và ông H, Tâm trả lại cho ông S 20 triệu đồng, sau đó cắt liên lạc và bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Do là người nhà nên chị T đã tự bỏ tiền cá nhân của mình trả cho ông S 30 triệu đồng, ông H 70 triệu đồng. Cho đến nay Tâm vẫn chưa trả cho ông S số tiền còn lại là 180 triệu đồng, ông H 140 triệu đồng. Chị T yêu cầu Tâm phải trả cho ông S và ông H số tiền trên.

Vật chứng thu giữ:

Cơ quan điều tra đã thu giữ của anh Ngô Văn H.

- 01 giấy nộp tiền ngày 9/7/2014 của Ngân hàng Agribank số tiền 20 triệu đồng.
- 01 giấy biên nhận tiền do Phạm Hồng Tâm viết ngày 12/7/2014.
- 01 giấy ủy nhiệm chi số tiền 50 triệu đồng ngày 15/8/2014 của Ngân hàng Agribank.

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trong giấy biên nhận tiền đề ngày 12/7/2014 với bản kiểm điểm của Phạm Hồng Tâm.

Tại bản kết luận giám định số 9632/C54-P5 ngày 17/9/2015 kết luận:

Chữ viết, chữ ký trên giấy biên nhận ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Phạm Hồng Tâm trên tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết, ký ra.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Hồng Tâm khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên. Lời khai của Phạm Hồng Tâm phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, hiện trường vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác trong vụ án.

Tại cáo trạng số 60/CT-VKS ngày 18/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình quyết định truy tố bị cáo Phạm Hồng Tâm về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa :

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi,nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Người bị hại ông Ngô Văn H yêu cầu chị T phải hoàn trả lại ông số tiền 70.000.000 đồng.

Ông Đỗ Văn S yêu cầu chị T phải hoàn trả lại ông số tiền 150.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Ngô Thị T trình bày: Chị không đồng ý trả ông S 150.000.000 đồng và ông H 70.000.000 đồng vì chị không nhận tiền của ông S và ông H, đề nghị Tòa án buộc bị cáo Tâm phải có trách nhiệm trả ông H 70.000.000 đồng và ông S 150.000.000 đồng. Buộc bị cáo phải hoàn trả lại cho chị số tiền 100.000.000 đồng do chị bỏ tiền cá nhân để trả cho ông S 30.000.000 đồng, ông H 70.000.000 đồng thay bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên nội dung bản cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 47; Điều 38 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Hồng Tâm từ 10 đến 11năm tù; Do bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Về dân sự:

Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại Đỗ Văn S số tiền 150.000.000 đồng, bồi thường cho người bị hại Ngô Văn H số tiền 70.000.000 đồng.

Đối với số tiền 100.000.000 đồng mà chị T tự nguyện trả cho ông S, ông H, nay chị T yêu cầu bị cáo trả lại nên buộc bị cáo phải trả cho chị T 100.000.000 đồng.

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, bị cáo không có tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo bày tỏ sự ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Ba Đình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, kiểm sát viên trong quá

trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có có ý kiến hoặc không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2014 đến tháng 8/2014, Phạm Hồng Tâm đã có hành vi gian dối bằng hình thức xin việc làm vào các cơ quan Nhà nước và đã lừa đảo chiếm đoạt của anh Đỗ Văn S số tiền 200.000.000 đồng, anh Ngô Văn H 140.000.000 đồng. Tổng cộng là 340.000.000 đồng). Sau khi nhận tiền Tâm đã không xin việc làm mà sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết, sau đó cắt liên lạc và bỏ trốn khỏi nơi cư trú.

Hành vi của bị cáo là hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng và lời luận tội của Viện kiểm sát. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174; Bản cáo trạng và lời luận tội của Viện kiểm sát truy tố và kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Tòa án xét xử nghiêm minh vụ án nhằm giáo dục bị cáo và góp phần phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân chưa có tiền án tiền sự, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tài liệu có trong hồ sơ cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo chiếm đoạt của anh S số tiền 200.000.000 đồng, bị cáo đã trả 20.000.000 đồng cho anh S. Chị T dùng tiền cá nhân để trả thay 30.000.000 đồng. Nay bị cáo còn phải bồi thường cho anh S 150.000.000 đồng.

Bị cáo chiếm đoạt của anh H số tiền 140.000.000 đồng, chị T dùng tiền cá nhân để trả thay 70.000.000 đồng. Nay bị cáo còn phải bồi thường cho anh H 70.000.000 đồng.

Đối với số tiền 100.000.000 đồng mà chị T đã trả cho anh S 30.000.000 đồng , anh H 70.000.000 đồng, nay chị T yêu cầu bị cáo trả lại nên buộc bị cáo phải trả cho chị T 100.000.000 đồng.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 16.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Phạm Hồng Tâm phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Điểm b khoản 2 Điều 106; Điều 136, khoản 1 Điều 292; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1, Xử phạt: Bị cáo Phạm Hồng Tâm 10 (mười) năm tù về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Thời hạn tù tính từ ngày 10/02/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2, Về dân sự:

Buộc bị cáo Phạm Hồng Tâm phải bồi thường cho anh Đỗ Văn S số tiền 150.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Phạm Hồng Tâm phải bồi thường cho anh Ngô Văn H số tiền 70.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Phạm Hồng Tâm phải trả cho chị Ngô Thị T số tiền 100.000.000 đồng .

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được bồi thường có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không chịu nộp tiền bồi thường trên thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 16.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Ba Đình;
- Công an quận Ba Đình;
- Thi hành án quận Ba Đình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)